

Bản án số: 40/2019/HS-ST
Ngày 27/02/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thúy Kiên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Thiêm;

Ông Phạm Lành;

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Nam Thái- Cán bộ
Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái
Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Tiến - Kiểm sát viên;*

Ngày 27/02/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2019/TLST-HS ngày 23/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/ QĐXXST-HS ngày 12/02/2019 đối các bị cáo:

1. Hà Lý H, sinh ngày 13/8/1994, tại tỉnh Thái Nguyên (không có tên gọi khác); Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Khuôn Thủng, xã Phúc Lương, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; Giới tính: Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, Chính quyền, Đoàn thể): Không;

Con ông Hà Văn C, sinh năm 1975, bà Lý Thị L, sinh năm 1977; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1996; Có 01 con, sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không có;

Nhân thân: Ngày 27/8/2018; 29/8/2018 và ngày 06/9/2018, H có hành vi trộm cắp tài sản trị giá dưới 2.000.000 đồng, bị Công an thành phố Thái Nguyên ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Quyết định số 0075512; 0075513 và 0075514 ngày 18/12/2018);

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/10/2018. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt);

2. Đào Trọng Đ, sinh ngày 18/8/1994, tại tỉnh Thái Nguyên (không có tên gọi khác); Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Cây Thông, xã Phúc Lương, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; Giới tính: Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Quốc

tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, Chính quyền, Đoàn thể): Không;

Con ông Đào Văn H, sinh năm 1965, bà Hà Thị N, sinh năm 1967; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ là Bùi Thị H, sinh năm 1993; Có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự : Không có;

Nhân thân: Ngày 29/8/2018 và ngày 06/9/2018, Đ có hành vi trộm cắp tài sản trị giá dưới 2.000.000 đồng, bị Công an thành phố Thái Nguyên ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Quyết định số 0075510; 0075511 ngày 18/12/2018);

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/9/2018. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt);

+ Bị hại: **Anh Vũ Đức D**, sinh năm 1982;

Nơi đăng HKTT và chỗ ở: Xóm Xuân Đàm, xã Đồng Liên, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1965;

Nơi đăng HKTT và chỗ ở: Tổ 5, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên (vắng mặt);

2. Anh **Nguyễn Ngọc Ch**, sinh năm 1971;

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 12, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên;

Chỗ ở: Tổ 1B, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên (vắng mặt);

3. Bà **Lý Thị L**, sinh năm 1977 (mẹ bị cáo H);

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Khuôn Thủng, xã Phúc Lương, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên;

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Lý H và Đào Trọng Đ là đối tượng nghiện ma túy, thường xuyên sống lang thang xem ai có tài sản sơ hở trong việc quản lý thì trộm cắp để bán lấy tiền sử dụng cho bản thân. Cả 02 đối tượng này có phòng ở thuê tại khu nhà trọ thuộc phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên. Trong khoảng thời gian từ ngày 03/9/2018 đến ngày 04/9/2018 H và Đ đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản tại nhà riêng của anh Vũ Đức D, thuộc địa phận tổ 22, phường Phú Xá, thành

phố Thái Nguyên (trước đó H có làm thợ xây dựng công trình nhà cho anh D), cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 20 giờ ngày 03/9/2018, H rủ Đ đến nhà anh với mục đích trộm cắp tài sản, Đ đồng ý, H sử dụng xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen, BKS: 20F1- 435.50 là tài sản của H chở Đ từ khu phòng trọ của H và Đ đến nhà anh D (nhà anh D đang sửa chữa nên không có ai ở và trông coi tài sản). Khi đi H có mang theo 01 chiếc kim nhỏ (chuôi bọc cao su màu xanh) với mục đích sử dụng làm công cụ trộm cắp tài sản. Đến nơi H để xe mô tô tại sân nhà văn hóa của tổ dân phố 22, phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên-liền kề phía sau nhà anh D. Sau khi quan sát thấy nhà anh D không có người trông coi tài sản, Đ ngồi ở ghế đá tại sân nhà văn hóa (cách bức tường ngăn tiếp giáp phía sau nhà anh D khoảng 8m) để canh giới, H cầm chiếc kim mang theo trèo lên bức tường (có chiều cao khoảng 2m) rồi trèo vào tầng 2 nhà anh D qua cửa sổ tầng 2- chưa lắp song. Tại đây, H tìm tài sản để trộm cắp, H thấy có khoảng 6-7 bộ cửa nhôm hệ (nhãn hiệu ZHONGKAI -loại cửa ra vào, màu nâu đen) để giữa phòng tầng 2, H đã tiến đến lấy 02 bộ rồi tháo dỡ, bẻ gãy khung cửa và xếp lại thành một bó rồi buộc lại bằng dây thép, H bê bó nhôm trên ra phía cửa sổ H đã trèo vào gọi Đ trèo lên bức tường để đỡ bó nhôm mang xuống sân nhà văn hóa. Đ bê toàn bộ số cửa nhôm nói trên lên xe mô tô và ngồi sau xe để giữ, H điều khiển xe chở bó khung cửa nhôm về phòng trọ của Đ cất giấu. Ngay sau đó H rủ Đ tiếp tục quay trở lại nhà anh D để lấy trộm tài sản. Đ tiếp tục ngồi ở ghế đá tại sân nhà văn hóa canh giới, H trèo lên tầng 2 nhà anh D theo lối cũ, H thấy một máy lạnh điều hòa cây nhãn hiệu Panasonic 18.000 BTU màu trắng, để ở góc bên phải phòng phía trước nhà anh D, H đã bê máy lạnh điều hòa nói trên xuống tầng 1 rồi lấy một đoạn dây ống nước buộc vào một đầu cây điều hòa và gọi Đ trèo lên bờ tường để kéo cây máy lạnh điều hòa lên qua bức tường rồi chuyển sang sân nhà văn hóa. H và Đ bê máy lạnh điều hòa lên xe mô tô, H ngồi phía sau xe để Đ điều khiển xe chở tài sản trộm cắp được về phòng trọ của Đ để cất giấu.

Đến khoảng 7h30' ngày hôm sau (04/9/2018) H và Đ mang 02 bộ cửa nhôm hệ lấy trộm được đến bán cho bà Nguyễn Thị L- chủ cửa hàng thu mua sắt vụn, tại địa chỉ tổ 05, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên được 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng). Số tiền trên H và Đ mua ma túy cùng nhau sử dụng. Sau đó chị L đã bán tài sản này cho một người không quen biết.

Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 04/9/2018 H rủ Đ đến nhà anh D để lấy trộm cục nóng máy điều hòa Panasonic cùng bộ với máy lạnh điều hòa tủ đứng mà H và Đ đã lấy trộm trước đó. Đ đồng ý, H điều khiển xe mô tô nói trên chở Đ đến gần nhà anh D (cách khoảng 5 nhà) H đỗ xe cho Đ ngồi tại quán bia để canh giới, H đi bộ vào phía sau nhà anh D và trèo theo lối cũ vào tầng 2 rồi bê cục nóng máy điều hòa ở vị trí bên phải- phía trước nhà anh D xuống tầng 1-

phía sau nhà anh D rồi dùng dây ống nước buộc chặt vào cục nóng và treo lên bờ tường để kéo cục nóng điều hòa qua bức tường, mang ra để tại góc sân nhà văn hóa. Sau đó H ra quán nước lấy xe mô tô chở Đ vào sân nhà văn hóa, Đ bê cục nóng điều hòa lên xe và ngồi phía sau xe, H điều khiển xe mang tài sản vừa trộm cắp được đi tiêu thụ. H và Đ khai đã mang tài sản này đến Cơ sở mua bán hàng điện lạnh, tại tổ 1B, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên- do anh Nguyễn Ngọc Ch làm chủ, khi đến nơi H và Đ thống nhất để Đ ở lại trông cục nóng máy điều hòa còn H về phòng trọ của Đ lấy cục máy lạnh điều hòa đã lấy trộm trước đó, để bán cả bộ máy điều hòa trộm cắp được cho anh Chung, H và Đ khai đã bán cho anh Chung các tài sản này được **3.000.000đ** (ba triệu đồng), H chia cho Đ **500.000** đồng, cả hai đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Anh Chung xác định thời điểm đầu tháng 9 năm 2018 anh thực hiện nhiều giao dịch nên không nhớ có mua của H và Đ bộ máy điều hòa nói trên hay không. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh làm rõ nhưng không thu hồi được tài sản này.

Tại bản kết luận số 285 ngày 04/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Thái Nguyên xác định:

+ 01 cục lạnh điều hòa tủ đứng 1 chiều, nhãn hiệu Panasonic 18.000 BTU trị giá là **1.700.000đ** (một triệu bảy trăm nghìn đồng) ;

+ 02 bộ cửa nhôm hệ màu nâu - đen nhãn hiệu ZHONGKAI, có kích thước 2,2m x 0,8m, dày 2.0mm trị giá là **6.000.000đ** (sáu triệu đồng).

Tổng cộng là **7.700.000đ** (bảy triệu bảy trăm nghìn đồng)- BL 53;

Tại kết luận số 313 ngày 31/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Nguyên xác định: Cục nóng máy điều hòa vỏ màu trắng nhãn hiệu Panasonic 18.000 BTU trị giá là **3.750.000 đ** (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) -BL 54;

Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt của anh D là **11.450.000đ**

(mười một triệu, bốn trăm, năm mươi nghìn đồng)

Vật chứng của vụ án là toàn bộ các tài sản bị cáo đã chiếm đoạt nêu trên; 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen, BKS: 20F1- 435.50 và 01 chiếc kim kim loại (chuôi bọc cao su màu xanh). H xác định sau khi thực hiện hành vi trộm cắp, H đã cho một người bạn có tên là T - không rõ địa chỉ mượn chiếc xe mô tô nói trên, trong cốp xe có để chiếc kim, đến nay T chưa trả H. Toàn bộ vật chứng của vụ án không thu hồi được;

Tại bản Cáo trạng số 42/CT- VKSTPTN ngày 23 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên đã truy tố Hà Lý H và Đào Trọng Đ về tội **“Trộm cắp tài sản”** theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bị hại cũng xác định thời gian, địa điểm và tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại như lời khai của các bị cáo đã thừa nhận nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Anh D yêu cầu H và Đ phải liên đới bồi thường toàn bộ số tài sản do các bị cáo đã chiếm đoạt nêu trên theo giá trị do Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự đã xác định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra và diễn biến tại phiên tòa đã giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hà Lý H và Đào Trọng Đ phạm tội **“Trộm cắp tài sản”** quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội các bị cáo đã thực hiện, vai trò của từng bị cáo, xác định các bị cáo đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (*“Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”*; *“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”*) và đều phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự (*“Phạm tội 02 lần trở lên”*); Căn cứ vào nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định nêu trên xử phạt bị cáo H từ 18 đến 24 tháng tù giam; Bị cáo Đ từ 15-18 tháng tù giam. Thời hạn phạt tù tính từ ngày các bị cáo bị bắt tạm giam;

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của người tham gia tố tụng giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận, hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, nhất trí với Bản luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, Người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện

là hợp pháp;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, các tài liệu có trong hồ vụ án đủ cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người tham gia tố tụng nói trên theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo hoàn toàn thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố nêu trên. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời nhận tội tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự và các tài liệu, chứng cứ khác. Chứng minh đầy đủ, toàn diện các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Hành vi nêu trên của Hà Lý H và Đào Trọng Đ là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh xấu đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Do đó hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội ***“Trộm cắp tài sản”*** quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo nhận thức rõ những tài sản trên thuộc quyền sở hữu của người khác, nhưng để thỏa mãn nhu cầu ích kỷ của bản thân, các bị cáo đã bất chấp, coi thường pháp luật, dùng thủ đoạn lén lút để chiếm đoạt tài sản của người khác như đã nêu trên. Do đó, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ. Nội dung khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định như sau: ***“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.***

Trong 02 vụ trộm cắp nêu trên H và Đ cùng cố ý thực hiện một tội phạm, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chung về toàn bộ tội phạm do các bị cáo đã thực hiện, các bị cáo đều tham gia với vai trò là người thực hành, do đó xác định là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, H thực hiện tội phạm với vai trò tích cực hơn Đ.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Xét thấy: Cả 02 bị cáo là thanh niên, tuổi đời còn trẻ nhưng do thiếu ý thức tự giác rèn luyện, có lối sống buông thả, thiếu trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội dẫn đến nghiện ma túy và thường xuyên sống lang thang. Để thỏa mãn

nhu cầu ích kỷ của bản thân các bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác như nêu trên; Các bị cáo đều phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội các bị cáo đã gây ra, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân sống có ích cho gia đình, xã hội và cũng để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cũng xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó các bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, khi lượng hình Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, tạo cơ hội cho các bị cáo nhận thấy chính sách khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự các bị cáo có thể bị phạt từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ...hoặc tịch thu 01 phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo không có việc làm ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Hành vi nêu trên của các bị cáo đã xâm phạm tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh D. Tại phiên tòa các bị cáo xác định có trách nhiệm liên đới bồi thường toàn bộ giá trị tài sản do các bị cáo đã chiếm đoạt như nêu trên. Căn cứ các quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 288 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 587; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự, buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh D toàn bộ giá trị tài sản do các bị cáo đã chiếm đoạt hiện chưa thu hồi được theo giá trị do Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự của thành phố Thái Nguyên đã xác định. Phần của mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường là **5.725.000đ** - tương đương $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản anh D bị các bị cáo chiếm đoạt. Như vậy là phù hợp với thực tế và các quy định nêu trên.

[6] Về vật chứng: Chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen, BKS: 20F1- 435.50 là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo H (Giấy đăng ký xe mang tên bà Lý Thị L, nhưng bà L xác định đã tặng cho H). H khai, sau thời điểm trộm cắp tài sản nói trên H đã cho người bạn có tên là T, không rõ địa chỉ mượn xe- trong cốp xe có chiếc chìa khóa là công cụ H sử dụng phạm tội, T chưa trả lại H chiếc xe này, hiện Cơ quan điều tra cũng không thu hồi được. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ xử lý các vật chứng này (nếu thu hồi được các vật chứng này cần xử lý theo quy định).

[7] Các vấn đề khác:-Hành vi bị cáo H trộm cắp tài sản ngày 27/8/2018; 29/8/2018 và ngày 06/9/2018. Hành vi của bị cáo Đ trộm cắp tài sản ngày

29/8/2018 và ngày 06/9/2018 trị giá tài sản dưới 2.000.000đ, do đó Cơ quan điều tra ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các bị cáo là có căn cứ.

-Bà Nguyễn Thị L là người mua tài sản của Đ và H trộm cắp mà có, nhưng khi mua bà L không biết tài sản đó do các bị cáo trộm cắp, Công an thành phố Thái Nguyên không xử lý bà L là có căn cứ.

- Anh Nguyễn Ngọc Ch khai do thực hiện nhiều giao dịch nên anh không nhớ có mua bộ máy điều hòa do H, Đ trộm cắp như các bị cáo đã khai hay không. Cơ quan điều tra cũng không thu hồi được các tài sản này, vì vậy Cơ quan điều tra xác định không đủ cơ sở xử lý anh Chung là có căn cứ.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải nộp **200.000đ** án phí hình sự sơ thẩm và **286.000đ** án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước;

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331;332 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các quy định: - Khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 ; Khoản 1 và khoản 3 Điều 329 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 288; Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 587; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 331;332 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

1.Tuyên bố các bị cáo Hà Lý H và Đào Trọng Đ phạm tội " Trộm cắp tài sản";

2. Xử phạt:- Hà Lý H 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 12/10/2018;

- Đào Trọng Đ 15 (mười lăm) tháng tù .Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 28/9/2018;

Quyết định tạm giam mỗi bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án;

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo;

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Vũ Đức D toàn bộ giá trị tài sản do các bị cáo đã chiếm đoạt là **11.450.000 đồng**. Phần mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường cho anh D là **5.725.000đ** (năm triệu, bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tương đương $\frac{1}{2}$ số tiền phải bồi thường.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng: Không xử lý vật chứng là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen, BKS: 20F1- 435.50, giấy đăng ký xe mang tên Lý Thị L và 01 chiếc kim kim loại (chuôi bọc cao su màu xanh) trong vụ án này -vì Cơ quan điều tra không thu hồi được (nếu thu hồi được các vật chứng này sẽ xử lý theo quy định);

5. Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải nộp **200.000đ** án phí hình sự sơ thẩm và **286.000đ** án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả Bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND TPTN;
- TAND tỉnh TN ;
- Công an TPTN;
- THADS TPTN;
- Bị cáo, người tham gia TT;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu BP HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thúc Kiên

Hoàng Thúc Kiên